

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 6 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Chính

Bà Nguyễn Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hùng Thị X; sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Xìn Văn T; sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Hùng Thị X khai rằng chị và anh Xìn Văn T tổ chức cưới hỏi và chung sống với nhau được 08 năm, đến ngày 15/4/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Từ khi đăng ký kết hôn đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc do anh T hay uống rượu rồi chửi bới đánh đập chị. Chị X thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì thương các con còn quá nhỏ nên đã chịu đựng; đến năm 2018 thì chị X không chịu đựng được nữa nên đã

sống ly thân với chồng từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T để giải thoát cho nhau, để mỗi người có một cuộc sống riêng. Vợ chồng có 04 con gái chung là Xìn Thị Ng, sinh ngày 03/6/2004, Xìn Thị H, sinh ngày 21/01/2007, Xìn Thị D, sinh ngày 12/02/2009 và Xìn Thị Đ, sinh ngày 18/8/2014. Khi ly hôn, chị X có nguyện vọng mỗi người nuôi hai con, chị nuôi 02 con là Ng và Đ, còn anh T nuôi 02 con là H và D, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau đó, chị X có ý kiến là nếu đến ngày xét xử, con lớn là Xìn Thị Ng đã đủ 18 tuổi thì không đặt vấn đề chị hay anh T phải nuôi Xìn Thị Ng nữa; còn lại 03 con thì chị X xin nhận nuôi 02 con là Xìn Thị H và Xìn Thị Đ, để anh T nuôi 01 con là Xìn Thị D, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Bị đơn là anh Xìn Văn T vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về nên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình đã lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng cho anh T và thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Quang Bình không nhận được văn bản hay tài liệu, chứng cứ nào từ anh T; anh T không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Theo Bản tự khai nguyện vọng của con chung thì nếu bố mẹ ly hôn, các cháu Xìn Thị Ng, Xìn Thị Đ xin ở với mẹ, còn cháu Xìn Thị D và cháu Xìn Thị H xin ở với bố để cho bố mẹ có trách nhiệm đều nhau với con cái.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự có liên quan đến mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hùng Thị X ly hôn anh Xìn Văn T; về con chung giao cho chị Hùng Thị X trực tiếp nuôi các con là Xìn Thị H, sinh ngày 21/01/2007 và Xìn Thị Đ, sinh ngày 18/8/2014, còn anh Xìn Văn T trực tiếp nuôi con là Xìn Thị D, sinh ngày 12/02/2009; chị X và anh T không phải cấp dưỡng cho con cho nhau; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tài sản chung và công nợ chung do đương sự không yêu cầu không giải quyết nên không xem xét; chị X chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Hùng Thị X và anh Xìn Văn T tổ chức cưới hỏi và chung sống với nhau 08 năm, đến ngày 15/4/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị X, trình bày của con chung trong Bản tự khai nguyện vọng của con chung, thông tin do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang cung cấp và kết quả xác minh tại thôn, xã nơi vợ chồng cư trú, thấy rằng vợ chồng chị X, anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu do anh T thường xuyên uống rượu rồi đánh đập và đuổi vợ; chị X đã mời đại diện thôn, xã đến can thiệp; anh T nhiều lần hứa sửa chữa khuyết điểm trên nhưng không làm được; chị X đã sống ly thân với anh T từ năm 2018; tổ hoà giải của thôn đã động viên, hoà giải để cho vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Xét thấy anh T đã không thực hiện được tình nghĩa vợ chồng, không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ như quy định tại các điều 19 và 21 của Luật Hôn nhân và gia đình; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị X ly hôn anh T.

[2] Chị X và anh T có bốn con gái chung, đang ở với bố tại nhà riêng của hai vợ chồng. Đến ngày xét xử, con thứ nhất của vợ chồng là Xìn Thị Ng, sinh ngày 03/6/2004 đã trên 18 tuổi nên không đặt vấn đề chị X hay anh T là người trực tiếp nuôi Xìn Thị Ng. Xét nguyện vọng của con chung và ý kiến của chị X, cần căn cứ các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị X trực tiếp nuôi các con là Xìn Thị H và Xìn Thị Đ, còn anh T trực tiếp nuôi con là Xìn Thị D; chị X và anh T không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng cho con; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 điều 6, điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hùng Thị X ly hôn anh Xìn Văn T.
- Về con chung: Giao cho chị Hùng Thị X trực tiếp nuôi các con là Xìn Thị H, sinh ngày 21/01/2007 và Xìn Thị Đ, sinh ngày 18/8/2014, còn anh Xìn Văn T trực tiếp nuôi con là Xìn Thị D, sinh ngày 12/02/2009; chị X và anh T không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng cho con; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- Về án phí: Chị Hùng Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004022 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
- Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mai Hồng